BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 4022 /TCHQ-CNTT

V/v thực hiện nhiệm vụ về cung cấp DVCTT và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính).

Thực hiện yêu cầu tại Công văn số 629/THTK-DVC ngày 30/6/2021 của Cục Tin học và Thống kê tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ, Tổng cục Hải quan đã thực hiện rà soát, tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4013/VPCP-KSTT. Cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ tích hợp, cung cấp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (DVCQG):

- Rà soát số lượng thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết: có 243 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Hải quan;

- Lập danh sách các TTHC trong ba năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh (bao gồm cả trường hợp tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến và qua bưu chính): có 05 TTHC không phát sinh hồ sơ từ 15/7/2018 đến nay, bao gồm:

STT	Tên TTHC	Cấp thực hiện
1	Thủ tục đăng ký kết nối, hủy kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Tổng cục Hải quan
2	Đăng ký, cấp Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan.	Cục Hải quan
3	Thông báo kết quả hủy Biên lai	Cục Hải quan
4	Thủ tục kê khai, nộp thuế xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương	Cục Hải quan
5	Thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô đã qua sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam.	Chi cục Hải quan

- Phối hợp, trao đổi kỹ thuật để tích hợp các DVCTT với Cổng DVCQG:

Tổng cục Hải quan đã gửi công văn số 3232/TCHQ-CNTT ngày 25/6/2021 gửi Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) và

Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính) về việc mời làm việc để trao đổi kỹ thuật tích hợp DVCTT lên Cổng DVCQG.

Ngày 12/7/2021, nhóm kỹ thuật của Cục CNTT và Thống kê hải quan (Tổng cục Hải quan) đã có buổi làm việc, trao đổi kỹ thuật với các nhóm kỹ thuật của các đơn vị. Sau đó, do điều kiện làm việc giãn cách phòng chống dịch Covid-19, đến nay, các nhóm kỹ thuật vẫn đang tiếp tục thảo luận ý kiến qua các kênh trực tuyến. Sau khi thống nhất các nội dung và ý kiến sẽ gửi báo cáo Cục Tin học & Thống kê tài chính.

2. Cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG:

Hiện tại, 72 DVCTT lĩnh vực hải quan đã tích hợp lên Cổng DVCQG và 26 DVCTT lĩnh vực hải quan sẽ tích hợp lên Cổng DVCQG trong năm 2021 thì không có DVCTT nào có yêu cầu nghĩa vụ tài chính.

Ngoài ra, những dịch vụ công trực tuyến có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang được cung cấp trên Hệ thống VNACCS/VCIS do Nhật Bản tài trợ từ năm 2014 không phù hợp về kỹ thuật, công nghệ so với Cổng DVCQG, nên đối với chỉ tiêu *"cung cấp thanh toán trực tuyến tối thiểu 50% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG theo quy định Nghịa quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021"*, Tổng cục Hải quan không thực hiện được (như đã báo cáo tại công văn bản số 1235/TCHQ-CNTT ngày 17/3/2021 gửi Cục Tin học và Thống kê tài chính).

3. Nhiệm vụ triển khai đổi mới thực hiện chế độ một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Tổng cục Hải quan đã chỉ đạo các đơn vị rà soát, lập danh mục mẫu kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi phụ trách. Đến nay, đã tổng hợp danh mục mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính của 37 TTHC (nêu tại Phụ lục đính kèm). Đối với các TTHC còn lại, Tổng cục Hải quan đang tiếp tục rà soát và tổng hợp kết quả, gửi báo cáo trong thời gian sớm nhất.

Tổng cục Hải quan báo cáo Cục Tin học và Thống kê tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Văn Cẩn - TCT (để b/c);
- Văn phòng TC (để p/h);
- Lưu: VT, CNTT (2b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC HẢI QUAN

Nguyễn Dương Thái

Phụ lục

DANH MỤC MẪU KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC (ĐỢT 1)

(Kèm theo Công văn số 4022/TCHQ-CNTT ngày 13 tháng 8 năm 2021)

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Thủ tục xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Thông báo kết quả xác định trước mã số	Không	Mẫu số 04 Phụ lục I quy trình kèm theo Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 quy định về Biểu mẫu Thông báo kết quả XĐTMS (đính kèm file)	Đến khi hết hiệu lực (DN được sử dụng TBXĐTMS trong vòng 03 năm kể từ ngày ban hành TB)	- Lưu trữ hồ sơ giấy. - Đối với Thông báo kết quả XĐTMS thì được đăng tải và lưu trữ trên edoc, có thể tra cứu được theo số, ngày thông báo hoặc theo tên công ty. Tuy nhiên không tra cứu được theo mã HS hoặc theo trích yếu/tên hàng.	- Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định về thẩm quyền và thời hạn ban hành TBXĐTMS. - Mẫu số 04 Phụ lục I quy trình kèm theo Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 quy định về Biểu mẫu Thông báo kết quả XĐTMS
2	Thủ tục Phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập	Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa nhập khẩu (theo quy định tại Điều 7 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015)	Không	Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 (đính kèm file)	Từ 05-20 năm tùy theo loại hồ sơ hải quan (theo hàng hóa và mục đích sử dụng …)	Lưu trữ hồ sơ giấy	- Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 - Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	khẩu Việt Nam						
3	Thủ tục Phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời	Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa nhập khẩu (theo quy định tại Điều 8 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015)	Không	Mẫu số 03 và 04 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 (đính kèm file)	Từ 05-20 năm tùy theo loại hồ sơ hải quan (theo hàng hóa và mục đích sử dụng …)	Lưu trữ hồ sơ giấy	- Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 - Mẫu số 03 và 04 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015
4	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô	Không	Không	Chưa quy định mẫu	Không quy định	Lưu trữ hồ sơ giấy	Diều 7b Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020
5	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô	Quyết định hoàn thuế nộp thừa	Quyết định hoàn thuế nộp thừa	Mẫu số 09/QĐHT/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC (đính kèm file)	Không quy định	Lưu trữ hồ sơ giấy	- Điều 7b Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 - Mẫu số 09/QĐHT/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC
6	Thủ tục đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu linh kiện ô tô	Không	Không	Chưa quy định mẫu	Không quy định	Lưu trữ hồ sơ giấy	Điều 7b Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020
7	Thủ tục áp dụng	Quyết định hoàn	Quyết định hoàn	Mẫu số	Không quy định	Lưu trữ hồ sơ	- Điều 7a Nghị định số

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	mức thuế suất 0% của nhóm 98.49	thuế nộp thừa	thuế nộp thừa	09/QDHT/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC (đính kèm file)		giấy	57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 - Mẫu số 09/QĐHT/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC
8	Thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	- Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; - Xác nhận chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế nêu rõ tờ khai chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; - Hoàn thiện bổ sung hồ sơ để cơ quan hải quan có cơ sở xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Điều 140 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính; - Khoản 71 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 140 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
9	Thủ tục gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo Điều 31 Nghị định 83/2013/NĐ-CP	văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn, lý do	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Điều 135 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 68 Điều 1 Thông tư

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	ngày 22/07/2013, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ đối với trường hợp bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh; không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu có chu kỳ sản xuất,						39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 135 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Điều 11 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	dự trữ dài hơn 275 ngày hoặc do phía khách hàng hủy hợp đồng hoặc kéo dài thời gian giao hàng mà số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phát sinh tại 02 Cục Hải quan						
10	Thủ tục nộp dần tiền thuế nợ theo khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế; Điều 39 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; khoản 7 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 và Điều 134 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối	Văn bản chấp thuận/không chấp thuận việc nộp dần tiền nợ thuế hoặc đề nghị bổ sung hồ sơ.	Không	-Mẫu số 31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC. (đính kèm file).	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Điều 134 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 67 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 134 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Điều 18 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính. -Mẫu số 31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	với số tiền thuế nợ phát sinh tại 02 Cục Hải quan trở lên						
11	Thủ tục gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo Điều 31 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ đối với trường hợp bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết	văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn, lý do	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Điều 135 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 68 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 135 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Điều 11 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	quả sản xuất, kinh doanh; không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu có chu kỳ sản xuất, dự trữ dài hơn 275 ngày hoặc do phía khách hàng hủy hợp đồng hoặc kéo dài thời gian giao hàng mà số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phát sinh tại 02 Chi cục Hải quan trở lên trong cùng một Cục Hải quan.						
12	Thủ tục nộp dần tiền thuế nợ theo khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế; Điều 39	Công văn đề nghị nộp dần tiền thuế của người nộp thuế	Không	-Mẫu số 31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số			- Điều 134 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 67 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 134 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; khoản 7 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 và Điều 134 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối với số tiền thuế nợ phát sinh tại 02 Chi cục Hải quan trở lên thuộc 01 Cục Hải quan			39/2018/TT-BTC. (đính kèm file)			- Điều 18 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính. -Mẫu số 31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC
13	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006 được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý	Quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.	Không	- Mẫu số 09/QĐHT/TXNK Quyết định về việc hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Khoản 3 Điều 10 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính. - Mẫu số 09/QĐHT/TXNK Quyết định về việc hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Mẫu số 12/TBKTT-TXNK

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	thuế, Điều 29 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 và Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015)			Tài chính. - Mẫu số 12/TBKTT-TXNK thông báo về việc không thuộc diện được hoàn thuế /không thu thuế /….Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Mẫu 06/TXNK thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế /không thu thuế /xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa Ban hành kèm Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (đính kèm file).			thông báo về việc không thuộc diện được hoàn thuế /không thu thuế /….Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Mẫu 06/TXNK thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế /không thu thuế /xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa Ban hành kèm Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
14	Thủ tục nộp dần	Công văn đề nghị	Không	- Mẫu số			- Điều 134 Thông tư số

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	tiền thuế nợ theo khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế; Điều 39 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; khoản 7 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 và Điều 134 Thông tư số 38/2013/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối với số tiền thuế nợ phát sinh tại 01 Chi cục Hải quan	nộp dần tiền thuế của người nộp thuế		31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC. (đính kèm file).			38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 67 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 134 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Điều 18 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính. - Mẫu số 31/TBNDTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC. - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC
15	Thủ tục gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP	văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn, lý do	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy).	- Điều 135 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 68 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 135 Thông tư số

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	ngày 22/7/2013, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ đối với trường hợp bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh; không có khả năng nộp thuế đúng hạn trong trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu						38/2015/TT-BTC. - Điều 11 Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	có chu kỳ sản xuất, dự trữ dài hơn 275 ngày hoặc do phía khách hàng hủy hợp đồng hoặc kéo dài thời gian giao hàng mà số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phát sinh tại một Chi cục Hải quan						
16	Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Thông báo kết quả xác định trước trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Không	Mẫu số 02/XĐTTG/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 (đính kèm file)	Vĩnh viễn	Chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy)	- Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 - Mẫu số 02/XĐTTG/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018
17	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Thông báo về trị giá hải quan	Không	Mẫu số 02B/TB-TGHQ/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 (đính kèm file)	Vĩnh viễn	Chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ (chỉ lưu trữ hồ sơ giấy)	- Khoản 14, Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 - Mẫu số 02B/TB-TGHQ/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
18	Thủ tục chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng với ngân hàng thương mại được lựa chọn làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Ngân hàng thương mại chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế và tháo bỏ biển thông báo là ngân hàng đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Chỉ lưu trữ hồ sơ giấy	+ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013; + Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ; + Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ; + Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính.
19	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006 được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Điều 29 Nghị định 83/2013/NĐ-	Quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định tại Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC	Quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Chưa quy định mẫu	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy/điện tử	- Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 - Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu - Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	CP ngày 22/7/2013 và Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015)						
20	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thông quan thuộc thẩm quyền của Chi cục Hải quan	Quyết định về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu	Quyết định về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu	Mẫu số 04/QĐ/TXNK Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan (đính kèm file)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy/điện tử	- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Điều 23, khoản 2 Điều 25 Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014. - Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ. - Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ. - Mẫu số 04/QĐ/TXNK Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan
21	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa	Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải	Không	Chưa quy định mẫu	15 năm	Lưu trữ hồ sơ	- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	xuất khẩu, nhập khẩu	quan căn cứ hồ sơ miễn thuế, đối chiếu với các quy định hiện hành để thực hiện miễn thuế theo quy định. Trường hợp xác định hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng miễn thuế như khai báo thì thông báo lý do không thuộc diện được miễn thuế, thu thuế và xử phạt vi phạm (nếu có) theo quy định.				giấy/điện tử	khẩu số 107/2016/QH13. - Điều 23, khoản 2 Điều 25 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014. - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ. - Từ Điều 5 đến Điều 27, khoản 6 Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. - Từ Khoản 2 đến khoản 14 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.
22	Thủ tục thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế	- Điện tử: Cấp mã số quản lý, nhập thông tin kết quả xử lý vào hệ thống, phản hồi cho doanh nghiệp. - Thủ công: Đóng dấu xác nhận trên 02 bản chính Danh mục miễn thuế, 01	Không	Mẫu số 06 – Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ (đính kèm)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy/điện tử	- Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 23, Điều 24, Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. - Khoản 7, khoản 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
		bản chính phiếu theo dõi trừ lùi hoặc thông báo hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế.					ngày 11/3/2021 của Chính phủ - Mẫu số 06 – Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ
23	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội; hàng hóa nhập khẩu để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác	- Quyết định về việc miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bện/các trường hợp đặc biệt khác của Thủ tướng. - Hoặc văn bản không đồng ý miễn thuế gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị miễn thuế.	Quyết định về việc miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bện/các trường hợp đặc biệt khác của Thủ tướng.	Mẫu số 23 – Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ (đính kèm)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy	- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014. - Khoản 4 Điều 81 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. - Khoản 23 Điều 16, Điều 17 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ. - Điều 28 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. - Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ - Mẫu số 23 – Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
							18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ.
24	Thủ tục hoàn thuế, hoàn tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Cơ quan hải quan ban hành quyết định hoàn thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế biết lý do không thuộc đối tượng hoàn thuế.	Quyết định về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 13 – Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính (đính kèm)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy/điện tử	- Luật Hải quan số 54/2014/QH13; - Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016; - Luật Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. - Từ Điều 33 đến Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính. - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
							18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ. - Mẫu số 13 – Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính
25	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sau thông quan thuộc thẩm quyền của Cục Hải quan	Quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu hoặc thông báo lý do không thuộc đối tượng giảm thuế cho người nộp thuế biết	Không	Mẫu số 04/QĐ/TXNK Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan (đính kèm file)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy/điện tử	- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014. - Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ. - Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. - Mẫu số 04/QĐ/TXNK Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
							của Tổng cục Hải quan
26	Thủ tục không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Cơ quan hải quan ban hành quyết định không thu thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế biết lý do không thuộc đối tượng không thu thuế.	Quyết định về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 13 – Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính (đính kèm)	15 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy và điện tử	- Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016; - Điều 75 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ. - Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ. - Mẫu số 13 – Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính
27	Thủ tục lựa chọn ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Văn bản thông báo Ngân hàng thương mại đủ điều kiện tham gia làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng.	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy	- Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
							2016; - Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; - Điều 15 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính. - Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
							đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính.
28	Thủ tục kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa	Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan ghi kết quả kiểm tra: xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn; ký, đóng dấu xác nhận đã kiểm tra vào hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế	Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế - Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Danh mục dữ liệu dùng chung và các chỉ tiêu thông tin đầu vào của Hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày	Cơ quan Hải quan xác nhận kết quả giải quyết TTHC vào 02 mẫu sau: - Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế - Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, - Danh mục dữ liệu dùng chung và các chỉ tiêu thông tin đầu vào của Hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày	10 năm	Lưu trữ hồ sơ giấy và điện tử	- Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016; - Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2017/NĐ-

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
			31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; - Điều 19 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính. - Khoản 13 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính.
29	Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan	Quyết định công nhận DN ưu tiên	Không	Mẫu số 03/DNUT ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đính kèm file)	3 năm (thời hạn có hiệu lực của Quyết định công nhận theo quy định hiện hành là 3 năm)	Lưu trữ giấy	- Thông tư số 72/2015/TT-BTC - Thông tư số 07/2019/TT-BTC - Mẫu số 03/DNUT ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
30	Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử	Công văn thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	- Lưu trữ hồ sơ giấy.	Khoản 3 Điều 9 Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
		thông tin					chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.
31	Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	- Văn bản của Tổng cục Hải quan thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin kết quả thực hiện việc cấp tài khoản hoặc bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản		Chưa quy định mẫu	10 năm	- Lưu trữ hồ sơ giấy.	Khoản 4 Điều 9 Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.
32	Thủ tục đăng ký kết nối, dừng kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Văn bản của Tổng cục Hải quan thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của bên		Chưa quy định mẫu	10 năm	- Lưu trữ hồ sơ giấy.	Khoản 8 Điều 9 Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
		sử dụng thông tin.					
33	Thủ tục khóa tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Thông báo khóa tài khoản	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Cổng thông tin một cửa quốc gia	- Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
34	Thủ tục kích hoạt tài khoản (đã khóa) người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Chưa có quy định kết quả giải quyết TTHC	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Cổng thông tin một cửa quốc gia	- Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
35	Thủ tục thu hồi	Thông báo thu hồi	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Cổng thông tin	- Khoản 6 Điều 11 Nghị định

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	tài khoản				một cửa quốc gia	số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
36	Thủ tục đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Thông báo chấp thuận	Không	Chưa quy định mẫu	10 năm	Cổng thông tin một cửa quốc gia	- Khoản 1, 2, 3 Điều 11 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
37	Thủ tục đăng ký sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính hải quan	Chưa có quy định kết quả giải quyết TTHC	Không	Chưa quy định mẫu	Cho đến khi chữ ký số hết hạn hoặc được cập nhật mới	Cổng thông tin một cửa quốc gia	- Điều 21 đến Điều 31 Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005 - Điều 12 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày

STT	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết TTHC	Tên gọi kết quả giải quyết TTHC theo thời kỳ (nếu có)	Mẫu kết quả giải quyết hiện tại và theo các thời kỳ (nếu có) - đính kèm file	Thời hạn lưu trữ của kết quả giải quyết TTHC	Cơ sở dữ liệu lưu trữ và chia sẽ kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	một cửa						14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.